

Vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Ngân Hà^(*)

Tóm tắt: An ninh con người giữ vai trò trung tâm trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là mục tiêu quan trọng trong quá trình xây dựng một quốc gia vững mạnh và phát triển. Trong nhiều năm qua, đặc biệt từ khi triển khai đường lối Đổi mới vào năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng đến việc xây dựng và thực thi các chính sách an sinh xã hội nhằm đảm bảo an ninh con người. Chính sách này được coi vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng cho sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: Nhà nước, An sinh xã hội, Chính sách an sinh xã hội, An ninh con người, Việt Nam

Abstract: Human security plays a central role in the strategy of national defense and is also a key objective in the process of building a strong and developed nation. For many years, especially since the Doi moi (Reforms) in 1986, the Communist Party of Vietnam and State of Vietnam have focused on building and implementing social security policies to ensure human security, which is considered both a goal and an important driving force for political and social stability and sustainable development of the country.

Keywords: State, Social Security, Social Security Policy, Human Security, Vietnam

Ngày nhận bài: 07/02/2025; Ngày duyệt đăng: 15/03/2025

1. Mở đầu

Nhà nước là cơ quan quyền lực đặc biệt trong xã hội có giai cấp, giữ vai trò quan trọng trong duy trì trật tự và thúc đẩy sự phát triển xã hội. Là bộ phận cốt lõi của thiết chế chính trị - xã hội, nhà nước thể hiện tính ưu việt của chế độ thông qua việc thực hiện các chức năng của mình. Theo K. Marx và F. Engels, nhà nước luôn thuộc về giai cấp nắm quyền lực kinh tế và chính trị, từ nhà nước chủ nô, phong kiến đến tư sản. Tuy nhiên, để duy trì sự thống trị, nhà nước phải

thực hiện chức năng xã hội, quản lý các vấn đề chung nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội. F. Engels khẳng định, chức năng xã hội là điều kiện để duy trì quyền lực chính trị của nhà nước, nhưng đồng thời bị chi phối bởi chức năng chính trị (C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, 1995).

An sinh xã hội là hệ thống chính sách và biện pháp của nhà nước nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội, thông qua các chương trình hỗ trợ như bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, y tế công cộng và phúc lợi xã hội. Mục tiêu của an sinh xã hội không chỉ là giảm thiểu rủi ro kinh tế mà

^(*) ThS., Trường Đại học Dược Hà Nội;
Email: hann@hup.edu.vn

còn duy trì ổn định xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững. An sinh xã hội đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, nhằm đảm bảo quyền cơ bản của con người, thúc đẩy công bằng xã hội và xây dựng một xã hội ổn định, bền vững. Chính sách an sinh xã hội của Việt Nam đã góp phần đáng kể vào việc đảm bảo an ninh con người trên các phương diện kinh tế, y tế và xã hội.

An ninh con người và bảo đảm an ninh con người là những khái niệm được phát triển dựa trên sự mở rộng của tư duy về an ninh quốc gia, được đề cập trong Báo cáo Phát triển Con người năm 1994 của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Báo cáo nêu rõ: An ninh con người là sự an toàn của con người trước các mối đe dọa kinh niên như nghèo đói, bệnh tật, đàn áp, cũng như những biến cố bất ngờ và bất lợi trong cuộc sống hằng ngày (UNDP, 1994: 23). An ninh con người có mối liên hệ chặt chẽ với an ninh thế giới, an ninh quốc gia và an ninh cộng đồng (UNDP, 1994).

2. Vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội hướng tới đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam

Đảm bảo an sinh xã hội luôn là đòi hỏi tất yếu để Nhà nước thể hiện cũng như khẳng định bản chất của mình, điều này được thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.1. Xây dựng chính sách xã hội

Xây dựng các chính sách xã hội cần hướng tới mục tiêu bảo đảm tính bền vững và sự phát triển phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội phát triển cho tất cả các tầng lớp trong xã hội

Thực tế cho thấy, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội không thể được bảo đảm trên nền tảng một nền kinh tế thiếu hụt và

hệ thống chính sách xã hội thiếu tính bền vững. Ngược lại, nền kinh tế không thể phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững trong một xã hội chưa xây dựng được hệ thống chính sách xã hội phù hợp và ổn định. Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định tầm quan trọng của việc tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 147-148). Chính sách xã hội được xem là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Trong những năm qua, chủ trương của Đảng về an sinh xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và duy trì sự ổn định chính trị - xã hội. Hệ thống pháp luật và chính sách về an sinh xã hội không ngừng được cải thiện, với diện thụ hưởng ngày càng mở rộng và mức độ hỗ trợ ngày càng tăng. Nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực an sinh xã hội ngày càng lớn, được tài trợ từ ngân sách nhà nước và huy động từ nhiều nguồn khác trong xã hội. Một số lĩnh vực quan trọng đã đạt được những kết quả đáng kể, như giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công, y tế và trợ giúp cho người có hoàn cảnh khó khăn (Nguyễn Thị Linh, 2024).

2.2. Đổi mới chính sách

Đổi mới các chính sách liên quan đến lao động và việc làm nhằm tạo môi trường lao động thuận lợi; chú trọng nâng cao phúc lợi, an sinh xã hội, đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của người dân như y tế, giáo dục, nhà ở và an ninh lương thực

Nhận thức, quan điểm và cơ chế chính sách phát triển hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội của Việt Nam đã dần được hoàn thiện qua các kỳ Đại hội của Đảng. Nhờ đó, chính sách bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội của Đảng và Nhà nước đã đạt được những thành công lớn, đặc biệt

trong những giai đoạn thiên tai và dịch bệnh phức tạp. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đã được cải thiện rõ rệt, trong đó giảm nghèo nhanh chóng được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Hệ thống y tế đã được củng cố, với năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao. Sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp dịch vụ y tế và giáo dục đã thúc đẩy cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, đồng thời đầu tư vào cơ sở vật chất và nâng cao trình độ nhân lực.

Ngành giáo dục cũng đang có những chuyển biến tích cực, với sự chú trọng đầu tư vào giáo dục ở vùng sâu, vùng xa và bậc giáo dục mầm non. Giáo dục nghề nghiệp và đại học đang được cải thiện, bám sát nhu cầu thực tế và dần nâng cao chất lượng đào tạo. Hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đã có nhiều đổi mới trong phương pháp tiếp cận và triển khai, mở rộng độ bao phủ.

Đặc biệt, trong quá trình ứng phó với đại dịch Covid-19, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã kiên định mục tiêu bảo vệ quyền con người, bảo đảm sức khỏe và tính mạng của nhân dân thông qua những quyết sách mạnh mẽ, mang tính nhân văn cao, thể hiện tính ưu việt của hệ thống chính trị xã hội như: kịp thời triển khai nhiều biện pháp an sinh xã hội, hỗ trợ người dân gặp khó khăn, thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức các chuyến bay đưa công dân có hoàn cảnh khó khăn từ nước ngoài trở về (Xem: Nguyễn Ngọc Hương, Nguyễn Văn Sơn, 2021).

2.3. Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương

Xu hướng phát triển trợ giúp xã hội ở Việt Nam đã dần tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt qua việc ban hành các luật như Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Luật Trẻ em, cùng với các nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các

nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020.

Hiện nay, chính sách trợ giúp xã hội đã bao phủ hầu hết các nhóm đối tượng ở mọi lứa tuổi, đáp ứng dần các nhu cầu cơ bản của họ, tạo nên một mạng lưới an sinh xã hội rộng khắp và chặt chẽ. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội ngày càng mở rộng, đạt 16,2 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội năm 2020, đạt 17,48 triệu người năm 2022. Đến năm 2022, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 1,4 triệu người, bằng 6 lần số lượng năm 2018 (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huệ, 2023).

Năm 2022, cả nước có 3,3 triệu người được hưởng các chế độ hưu trí và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, với nhiều hình thức chi trả linh hoạt như tiền mặt, qua bưu điện hoặc qua tài khoản cá nhân. Độ bao phủ của bảo hiểm thất nghiệp liên tục được mở rộng, từ 8,27 triệu người năm 2012 tăng lên 13,3 triệu người năm 2020 và gần 14,33 triệu người năm 2022. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp cũng tăng đều, từ 26,8% năm 2020 lên 31,1% năm 2022 (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huệ, 2023).

Chính sách giảm nghèo, bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, đã nhận được sự quan tâm đặc biệt và mang lại hiệu quả thiết thực. Trong giai đoạn 2011-2015, 71/311 xã (22,8%) thuộc vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; đến giai đoạn 2016-2020, số xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn tăng lên 125/292 xã (42,8%). Một số chính sách đặc thù cho vùng dân tộc thiểu số đã được triển khai có kết quả tích cực, giải quyết tình trạng thiếu

đất ở, đất sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ di dân, định canh định cư, bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế, 2023).

Có thể thấy, Việt Nam luôn chú trọng đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản: Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục từ cấp mầm non đến trung học cơ sở trước thời hạn. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở cấp tiểu học đã đạt 99% vào năm 2015, và tỷ lệ này ở cấp trung học cơ sở đạt trên 95% vào năm 2020. Đồng thời, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 97,85%. Trong lĩnh vực y tế, năm 2022, có 91,1 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 92% dân số cả nước. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt từ 96% đến 98%. Cuối năm 2020, chính phủ đã hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 339.176 hộ gia đình có công với cách mạng, 648.000 hộ nghèo ở nông thôn, và 17.200 hộ tại khu vực miền Trung để phòng tránh bão lũ (Dẫn theo: Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế, 2023).

3. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam hiện nay

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực tiễn cho thấy việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam hiện nay vẫn còn đặt ra một số vấn đề cần quan tâm và đòi hỏi những giải pháp phù hợp.

3.1. Hạn chế về nguồn lực tài chính

Hạn chế về nguồn lực tài chính ở Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, từ đó tác động đến an ninh con người. Với ngân sách hạn chế, việc mở rộng các chương

trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp cho các nhóm yếu thế gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng bao phủ chưa toàn diện, chất lượng dịch vụ chưa đảm bảo, và còn có sự chênh lệch trong tiếp cận giữa các vùng miền (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế, 2023). Khi nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, y tế, nhà ở và việc làm hạn hẹp, các nhóm dân cư dễ bị tổn thương không được hỗ trợ đầy đủ, làm gia tăng bất bình đẳng và nguy cơ bất ổn xã hội.

Ngoài ra, việc thiếu hụt tài chính cũng khiến các chính sách an sinh xã hội mang tính ngắn hạn, thiếu bền vững và dễ bị cắt giảm khi nền kinh tế gặp khó khăn. Điều này làm suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống an sinh, đồng thời gây áp lực lớn lên các gia đình và cá nhân khi phải tự xoay sở trước những rủi ro về sức khỏe, thu nhập và việc làm.

Để khắc phục vấn đề này, Nhà nước cần cải thiện hiệu quả sử dụng ngân sách, mở rộng nguồn thu từ thuế và các nguồn vốn xã hội hóa, đồng thời tăng cường hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ an sinh xã hội, hướng tới giảm thiểu rủi ro cho người dân, đồng thời góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3.2. Phạm vi bao phủ của các chính sách còn hạn chế

Phạm vi bao phủ còn hạn chế của các chính sách an sinh xã hội là một trong những trở ngại lớn trong việc đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam. Mặc dù hệ thống an sinh xã hội đã có nhiều bước phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của toàn bộ dân cư, đặc biệt là nhóm lao động phi chính thức, người nghèo, người khuyết tật và người dân tộc thiểu số. Sự thiếu đồng bộ trong chính sách và sự chông chéo giữa các chương trình hỗ trợ khiến nhiều đối tượng chưa được tiếp cận đầy đủ với các quyền

lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội và các dịch vụ công thiết yếu. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa các vùng miền cũng là một vấn đề đáng lo ngại. Các khu vực nông thôn, miền núi thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ an sinh do cơ sở hạ tầng yếu kém và nguồn lực phân bổ chưa hợp lý. Điều này làm gia tăng bất bình đẳng xã hội, khiến những người dân ở vùng khó khăn dễ rơi vào tình trạng bấp bênh về kinh tế, giáo dục và y tế (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế, 2023).

Để mở rộng phạm vi bao phủ và nâng cao hiệu quả của chính sách an sinh xã hội, cần có sự điều chỉnh chính sách theo hướng linh hoạt và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Việc tăng cường nguồn lực tài chính, ứng dụng công nghệ vào quản lý và triển khai các chương trình hỗ trợ, cùng với sự hợp tác giữa Nhà nước và khu vực tư nhân, sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách. Chỉ khi đảm bảo được sự tiếp cận công bằng và toàn diện, hệ thống an sinh xã hội mới thực sự phát huy vai trò trong việc bảo vệ an ninh con người và thúc đẩy phát triển bền vững.

3.3. Thiếu sự phối hợp và đồng bộ giữa các cơ quan thực thi

Một trong những thách thức lớn đối với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam là sự thiếu phối hợp và đồng bộ giữa các cơ quan thực thi. Hệ thống an sinh xã hội hiện nay liên quan đến nhiều bộ, ngành và địa phương, nhưng việc kết nối, chia sẻ thông tin và phối hợp triển khai vẫn còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng chồng chéo, kém hiệu quả và không đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân. Sự thiếu đồng bộ thể hiện rõ trong việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội và hỗ trợ việc làm. Nhiều chương trình có nội dung tương tự nhưng lại được triển khai riêng lẻ bởi

các cơ quan khác nhau, khiến nguồn lực bị phân tán và hiệu quả giảm sút. Thêm vào đó, việc chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị chưa thực sự hiệu quả, làm cho công tác quản lý, giám sát và đánh giá chính sách gặp nhiều khó khăn (Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế, 2023). Điều này khiến một số đối tượng thụ hưởng chính sách bị bỏ sót, trong khi có trường hợp lại được hưởng lợi nhiều lần. Bên cạnh đó, việc thiếu phối hợp cũng làm giảm khả năng ứng phó nhanh chóng trước các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hay khủng hoảng kinh tế.

Để khắc phục vấn đề này, cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương, thiết lập hệ thống dữ liệu an sinh xã hội đồng bộ và thống nhất trên toàn quốc. Đồng thời, tăng cường vai trò điều phối của Nhà nước trong việc giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách để đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi. Chỉ khi có sự phối hợp hiệu quả, chính sách an sinh xã hội mới có thể thực sự phát huy vai trò bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân, góp phần đảm bảo an ninh con người một cách bền vững.

Để nâng cao tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ an sinh xã hội, cần cải thiện cơ chế đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình quản lý và cung cấp dịch vụ. Việc tăng cường giám sát, phản hồi từ người dân và xây dựng các chính sách linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện, góp phần đảm bảo an ninh con người và phát triển xã hội bền vững.

3.4. Sự phân hóa giàu nghèo và chênh lệch vùng miền

Mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế, song thực

té cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách rõ rệt giữa các khu vực đô thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi, cũng như giữa các tầng lớp dân cư trong tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội. Ở các khu vực phát triển, người dân có điều kiện tốt hơn để tiếp cận hệ thống y tế, giáo dục và các chương trình an sinh. Trong khi đó, ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện sống khó khăn, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, nguồn lực tài chính hạn chế khiến người dân gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận bảo hiểm y tế, giáo dục và trợ cấp xã hội. Điều này làm gia tăng sự bất bình đẳng, tạo ra vòng luẩn quẩn nghèo đói và hạn chế cơ hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho những nhóm yếu thế.

Sự phân hóa giàu nghèo cũng ảnh hưởng đến mức độ đóng góp và thụ hưởng các chính sách an sinh. Nhóm có thu nhập cao thường có điều kiện tham gia các dịch vụ an sinh tự nguyện với chất lượng tốt hơn, trong khi nhóm có thu nhập thấp phải phụ thuộc vào các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, vốn còn nhiều hạn chế về phạm vi bao phủ và chất lượng dịch vụ. Điều này làm gia tăng khoảng cách giữa các tầng lớp nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Để khắc phục tình trạng này, cần có những chính sách an sinh linh hoạt, hướng đến các nhóm đối tượng khó khăn, đồng thời tăng cường đầu tư vào phát triển hạ tầng tại các khu vực còn nhiều hạn chế. Việc nâng cao hiệu quả phân bổ ngân sách, mở rộng mạng lưới an sinh, thúc đẩy sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo cơ hội tiếp cận an sinh xã hội công bằng hơn, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an ninh con người một cách bền vững.

3.5. Tăng trưởng dân số và già hóa dân số

Việt Nam đang trải qua những chuyển biến sâu sắc về cơ cấu dân số với hai xu hướng nổi bật: tốc độ tăng trưởng dân số chậm lại và quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng. Sau nhiều thập kỷ duy trì mức sinh cao, với chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Việt Nam đã giảm xuống mức thấp, đạt khoảng 1% mỗi năm. Điều này giúp ổn định quy mô dân số, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức về nguồn lao động và phát triển kinh tế trong tương lai.

Song song với đó, già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ nhanh, khi tỷ lệ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) ngày càng tăng. Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 và là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới. Năm 2017, số người cao tuổi chiếm 11,9% trong tổng dân số. Theo dự báo, đến năm 2038, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên khoảng 21 triệu người, chiếm 20% tổng dân số, con số này sẽ là 27 triệu người chiếm 25% tổng dân số vào năm 2050 (Bộ Y tế, 2019). Sự thay đổi này tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt là quỹ bảo hiểm hưu trí, dịch vụ y tế và mô hình chăm sóc người già.

Để thích ứng với những thách thức này, Nhà nước cần có chiến lược tổng thể nhằm duy trì lực lượng lao động thông qua nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đồng thời cải thiện hệ thống an sinh xã hội để hỗ trợ người cao tuổi. Bên cạnh đó, các chính sách khuyến khích sinh hợp lý, phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người già và nâng cao năng suất lao động là những giải pháp quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh dân số đang thay đổi nhanh chóng.

3.6. *Biến đổi khí hậu và thiên tai*

Theo đánh giá hằng năm của UNDP về những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997-2016, Việt Nam đứng thứ 5 về chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (CRI) (Dẫn theo: Nguyễn Toàn Thắng và cộng sự, 2021). Với chỉ số trên, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, với nhiều vùng dễ bị tổn thương do thiên tai như lũ lụt, hạn hán và sạt lở đất. Biến đổi khí hậu và thiên tai đang trở thành những thách thức nghiêm trọng đối với việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội ở nước ta, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh con người. Tình trạng thời tiết cực đoan như bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn và nước biển dâng không chỉ tàn phá cơ sở hạ tầng, nhà cửa, mùa màng mà còn đẩy hàng triệu người vào tình trạng mất sinh kế, nghèo đói và thiếu thốn các dịch vụ thiết yếu.

Những khu vực dễ bị tổn thương nhất thường là vùng ven biển, miền núi và nông thôn, nơi điều kiện kinh tế còn nhiều hạn chế. Khi thiên tai xảy ra, hệ thống an sinh xã hội như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội gặp khó khăn trong việc hỗ trợ kịp thời và đầy đủ cho người dân. Hơn nữa, ngân sách nhà nước dành cho an sinh phải phân bổ thêm cho công tác cứu trợ và khắc phục hậu quả, làm giảm nguồn lực dành cho các chương trình dài hạn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu còn làm gia tăng các rủi ro về dịch bệnh, suy giảm nguồn nước sạch và mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện sống của nhiều cộng đồng dân cư.

Để đảm bảo an ninh con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu, Nhà nước cần có chiến lược an sinh xã hội linh hoạt, tích hợp

yếu tố môi trường và khí hậu vào các chính sách phát triển. Việc kết hợp giữa hỗ trợ ngắn hạn (cứu trợ thiên tai) và giải pháp dài hạn (đầu tư phát triển bền vững, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu) sẽ giúp tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo quyền được sống an toàn, ổn định cho mọi người dân.

3.7. *Áp lực từ hội nhập quốc tế và yêu cầu cải cách*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đang đối mặt với những áp lực lớn trong việc cải cách hệ thống an sinh xã hội nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo an ninh con người. Hội nhập không chỉ mang lại cơ hội phát triển kinh tế, mở rộng thị trường lao động mà còn đặt ra yêu cầu về nâng cao chất lượng chính sách an sinh xã hội để bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

Một trong những thách thức lớn là việc điều chỉnh chính sách an sinh xã hội để phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, như các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới hay các tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Những yêu cầu này đòi hỏi Việt Nam phải mở rộng phạm vi bao phủ của bảo hiểm xã hội, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và đảm bảo an sinh cho người lao động di cư. Tuy nhiên, quá trình cải cách gặp không ít khó khăn do nguồn lực tài chính hạn chế, hệ thống quản lý chưa đồng bộ và sự thiếu hụt về cơ sở hạ tầng cũng như nhân lực chuyên môn.

Bên cạnh đó, áp lực từ hội nhập cũng làm gia tăng sự cạnh tranh trên thị trường lao động, đòi hỏi chính sách an sinh phải thích ứng linh hoạt để bảo vệ người lao động trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ. Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong

các chính sách đào tạo, hỗ trợ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp và hệ thống an sinh xã hội tổng thể nhằm đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận các dịch vụ cơ bản và ổn định cuộc sống.

Trước những thách thức trên, Nhà nước cần đẩy mạnh cải cách hệ thống an sinh xã hội theo hướng toàn diện và bền vững, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả. Việc xây dựng một hệ thống an sinh hiện đại, phù hợp với xu thế hội nhập sẽ không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân mà còn góp phần củng cố nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, đảm bảo an ninh con người trong giai đoạn phát triển mới.

4. Kết luận

Nhà nước, theo quan điểm Marx-Engels, là một thiết chế mang bản chất giai cấp, trong đó sự thống trị chính trị luôn giữ vai trò chi phối. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chính danh và duy trì sự ổn định xã hội, nhà nước phải thực hiện các chức năng xã hội, trong đó có chính sách an sinh nhằm điều hòa xung đột và bảo vệ an ninh con người. Ở Việt Nam, với vai trò trung tâm, Nhà nước không chỉ định hướng mà còn trực tiếp triển khai các chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế, mở rộng hệ thống bảo hiểm và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Mặc dù vậy, việc thực hiện an sinh xã hội vẫn gặp nhiều thách thức, do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, cải thiện chất lượng dịch vụ và mở rộng chính sách nhằm hướng tới một xã hội bền vững, công bằng và an toàn. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, đảm bảo an sinh xã hội không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là điều kiện tiên quyết để duy trì ổn định và phát triển xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2019), “Việt Nam cần xây dựng một mô hình phù hợp với già hóa dân số”, Cổng thông tin điện tử Bộ Y

tế ngày 19/12/2019, https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quooc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/viet-nam-can-xay-dung-mot-mo-hinh-moi-phu-hop-voi-gia-hoa-dan-so?inheritRedirect=false

2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Hương, Nguyễn Văn Sơn (2021), “An sinh xã hội-mục tiêu, động lực để phát triển nhanh và bền vững”, *Tạp chí Tuyên giáo* ngày 12/7/2021, <https://www.tuyengiao.vn/an-sinh-xa-hoi-muc-tieu-dong-luc-de-phat-trien-nhanh-va-ben-vung-139114>
5. Nguyễn Thị Linh (2024), “Giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội”, *Báo điện tử Quản lý Nhà nước* ngày 24/12/2024, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/12/24/giai-phap-hoan-thien-chinh-sach-phap-luat-ve-an-sinh-xa-hoi/>
6. Nguyễn Toàn Thắng, Đỗ Quang Hưng, Trần Thị Thu Trang, Phạm Thúy Hạnh (2021), “Đánh giá nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu đến một số khu vực của Việt Nam và triển khai các hoạt động thích ứng”, *Tạp chí Môi trường*, số 8, tr. 30-39.
7. Bùi Sỹ Tuấn, Đỗ Thị Kim Huế (2023), “Những đổi mới về chính sách an sinh xã hội”, *Báo điện tử Xây dựng Đảng* ngày 22/12/2023, <https://xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song/nhung-doi-moi-ve-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-20259>
8. United Nations Development Programme (UNDP, 1994), *Human Development Report 1994*, Oxford University Press, New York.